

Bản án số: 161/2022/DS-ST
Ngày 13-9-2022
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Thi.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Hùng Bích.

Ông Đặng Hữu Tấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Ông Lê Hoàng Nhựt – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố L xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 232/2022/TLST-DS ngày 01 tháng 7 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 330/2022/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP SG(gọi tắt là Ngân hàng).

Địa chỉ trụ sở: Số 266 – 268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 8, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của Ngân hàng TMCP SG- ông Chu Toàn Thắng là Chuyên viên quản lý nợ của Ngân hàng TMCP SG– Chi nhánh An Giang (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Số 333 Trần Hưng Đạo, phường MQ, thành phố L, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: Bà Lê Thị Thu Q, sinh năm 1975 (vắng mặt).

Địa chỉ: 121/1 hẻm Rạch Bằng Lăng, tổ 15, khóm Tây Khánh 3, phường MH, thành phố L, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các lần hòa giải ông Chu Toàn Thắng đại diện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP SGtrình bày:

Ngày 17/01/2020 bà Lê Thị Thu Q có ký Hợp đồng tín dụng số: 01041-00291 và 01041-00292 với Ngân hàng TMCP SGđể vay số tiền 40.000.000 đồng; thời hạn vay: 182 ngày; lãi suất cho vay 24%/năm góp đều; phương thức thanh toán: góp vốn, lãi hàng ngày, số tiền góp mỗi ngày là 246.200 đồng (trong đó: vốn gốc là 219.800 đồng, lãi là 26.400 đồng), vay không áp dụng biện pháp bảo đảm; mục đích vay để bổ sung vốn kinh doanh đồ chơi trẻ em.

Quá trình thực hiện hợp đồng bà Q góp được 70 ngày với số tiền vốn là 16.785.200 đồng, lãi là 448.800 đồng. Từ ngày 27/3/2020 cho đến nay bà Q không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Tính đến ngày 02/6/2022 bà Q còn nợ Ngân hàng 112 ngày chưa góp với số tiền vốn là 23.214.800 đồng, lãi là 4.338.200 đồng, tổng cộng vốn, lãi là 27.553.000 đồng.

Nay Ngân hàng TMCP SGyêu cầu bà Q phải có nghĩa vụ trả toàn bộ vốn, lãi nêu trên và chịu án phí theo quy định.

Bị đơn bà Lê Thị Thu Q vắng mặt không lý do, không gửi văn bản trình bày ý kiến.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn bà Lê Thị Thu Q vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo luật định. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định pháp luật tại Điều 70 và Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Đối với bị đơn vắng mặt toàn bộ quá trình giải quyết vụ án là không chấp hành đúng quy định pháp luật tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án:

Ngày 17/01/2020 bà Q và Ngân hàng TMCP SGthỏa thuận ký Hợp đồng tín dụng số: 01041-00291 và 01041-00292, để bà Q vay số tiền 40.000.000 đồng, với mục đích bổ sung vốn kinh doanh đồ chơi trẻ em, tính đến ngày 02/6/2022 còn nợ tiền vốn gốc là 23.214.800 đồng, lãi là 4.338.200đồng, tổng cộng vốn và lãi là 27.553.000 đồng.

Xét, Hợp đồng tín dụng được ký kết giữa các bên là trên cơ sở tự do, tự nguyện thỏa thuận, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ dân sự. Bà Q vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa

thuận nên Ngân hàng yêu cầu trả toàn bộ vốn, lãi là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án: Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động doanh nghiệp; Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh; Quyết định số 2206/2020/QĐ-NS v/v điều động và bổ nhiệm nhân sự; Giấy ủy quyền của Tổng Giám đốc số 3161/2021/GUQ-PL v/v ký hợp đồng/thỏa thuận, văn bản và thẩm quyền tham gia tố tụng; Giấy ủy quyền cho ông Chu Toàn Thắng; CMND số 351863162 của Chu Toàn Thắng; Bản tự khai; Bảng kê tính lãi; Hợp đồng tín dụng số 01041-00291 và 01041-00292; CMND tên bà Q; Hộ khẩu thường trú; Biên bản xác minh tình trạng cư trú.....

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là về hợp đồng dân sự – hợp đồng tín dụng; bị đơn có địa chỉ thường trú tại địa bàn thành phố L, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố L tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, tổng đạt thông báo thụ lý, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và các văn bản tố tụng khác đúng quy định mà bị đơn vẫn vắng mặt không lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Ngày 17/01/2020 bà Q có ký với Ngân hàng TMCP SG Hợp đồng tín dụng số: 001041-00291 và 01041-00292 để vay số tiền 40.000.000 đồng, với mục đích bổ sung vốn kinh doanh đồ chơi trẻ em. Từ khi vay đến nay bà Q thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận trong hợp đồng, tính đến ngày 02/6/2022 còn nợ ngân hàng 112 ngày chưa góp với số tiền vốn là 23.214.800 đồng, lãi là 4.338.200 đồng, tổng cộng vốn, lãi là 27.553.000 đồng. Nay Ngân hàng yêu cầu bà Q phải trả toàn bộ số tiền vốn, lãi là 27.553.000 đồng.

Xét Hợp đồng tín dụng được ký kết giữa bà Q với Ngân hàng TMCP SG ngày 17/01/2020, Hội đồng xét xử nhận định:

Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án có ghi rõ nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, các chứng cứ kèm theo trong đó có Hợp đồng tín dụng số: 01041-00291 và 01041-00292, ngày 17/01/2020 cho bị đơn, nhưng bị đơn không có ý kiến phản bác hay phản tố lại đối với yêu cầu khởi kiện và chứng cứ

của nguyên đơn cung cấp là thuộc trường hợp những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh. Căn cứ tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 quy định: “Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”. Do đó, Tòa án chấp nhận chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp là chứng cứ để giải quyết vụ án.

Xét, Hợp đồng tín dụng mà các bên ký kết trên cơ sở tự do, tự nguyện thỏa thuận, nội dung, hình thức không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định pháp luật tại Điều 116, Điều 117, Điều 118, Điều 119, Điều 398 của Bộ luật Dân sự 2015; khoản 2 Điều 91, Điều 94 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2017. Đồng thời, quá trình thực hiện hợp đồng bên vay sử dụng vốn vay đúng mục đích, bên cho vay có kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn vay, nên được pháp luật công nhận, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ dân sự giữa các bên.

Do vi phạm nghĩa vụ trả vốn, lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký kết nên Ngân hàng yêu cầu trả toàn bộ vốn, lãi là có căn cứ phù hợp với quy định tại 280 của Bộ luật Dân sự 2015, Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2017, có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc bà Lê Thị Thu Q phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền vốn, lãi còn nợ 112 ngày chưa góp là 27.553.000 đồng.

[3] Về án phí:

Do vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên bà Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền bị buộc thanh toán.

Với yêu cầu được chấp nhận Ngân hàng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều, 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 116, Điều 117, Điều 118, Điều 119, Điều 280, Điều 398 của Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ Điều 91, Điều 94, Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2017;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần SG đối với bị đơn bà Lê Thị Thu Q: Buộc bà Lê Thị Thu Q phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần SG số tiền vốn, lãi tổng cộng là 27.553.000 đồng (trong đó: vốn gốc là 23.214.800 đồng, lãi là 4.338.200 đồng).

2. Về án phí:

- Bà Lê Thị Thu Q phải chịu 1.377.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần SG được nhận lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí là 688.000 đồng theo Biên lai thu số: 0001459 ngày 01 tháng 7 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND TPLX;
- Chi cục THADS TPLX;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hồng Thi

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Hùng Bích Đặng Hữu Tấn

Lê Thị Hồng Thi

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Châu Phú;
- Chi cục THADS huyện Châu Phú;
- UBND xã Bình Mỹ;
- Các đương sự (đề thi hành);
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hồng Thi

2015

QÊN BẢN NGHỊ ÁN

Về “T/c về ly hôn”, giữa:

1. Nguyên đơn: Anh Lê Thanh Tùng, sinh năm 1984

2. Bị đơn: Chị Phan Thị Thi, sinh năm 1992

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Ngọc Phi

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Nghi Bình; Ông Huỳnh Công Tấn

Sau khi thảo luận, Hội đồng xét xử thống nhất như sau:

* Về quan hệ pháp luật: “tranh chấp về ly hôn”: Thống nhất 3/3

* Về áp dụng pháp luật: điểm b Điều 199, khoản 3 Điều 202, khoản 4 Điều 131, khoản 1 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 8 Điều 27 của Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Thống nhất 3/3

* Về nội dung:

- Anh Lê Thanh Tùng được ly hôn với chị Phan Thị Thi: Thống nhất 3/3

- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Sẽ giải quyết thành vụ án khác khi đương sự có yêu cầu: Thống nhất 3/3.

- Về án phí: Anh Tùng phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 200.000đ, được trừ vào 200.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo Qên lai thu số 0001166 ngày 02 tháng 10 năm 2014 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Phú.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt thì thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc được niêm yết: Thống nhất 3/3

Trương hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự: Thống nhất 3/3.

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Nghi Bình

Huỳnh Công Tấn

Ngô Ngọc Phi